TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **437** /2021/QĐST - HNGĐ	*Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Trương Ngọc L**, sinh 1970

Đăng ký HKTT và nơi ở: Số 7 hẻm 639/39/16 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- **Chị Nguyễn Thị H**, sinh 1971.

Đăng ký HKTT: Số 88 An Trạch 2- phường Quốc Tử Giám- quận Đống Đa- Hà Nội

Nơi ở: Số 7 hẻm 639/39/16 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2008 tại UBND phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 62, Quyển 1/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại số 7 hẻm 639/39/16 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Nay anh chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung với nhau, không quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyện vọng của anh chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trương Ngọc L và chị Nguyễn Thị H.

[2]- Về nuôi con chung: Anh Trương Ngọc L và chị Nguyễn Thị H xác nhận có 02 con chung là cháu Trương Tuấn S (nam), sinh ngày 08/6/2003 và cháu Trương Tuấn K (nam), sinh ngày 23/3/2005. Cháu Trương Tuấn S đã trưởng thành tròn 18 tuổi nên việc ở với ai do

cháu tự quyết định. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao con chung là cháu Trương Tuấn K cho bố trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu đồng) /tháng cho đến khi cháu Kiệt trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2021. Chị H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Tòa không xem xét

[4] Về nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Tòa không xem xét

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên tòa không xem xét.

[6] Về lệ phí ly hôn: Anh L tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Trương Ngọc L và chị Nguyễn Thị H.**

2. Về con chung: Cháu Trương Tuấn S đã trưởng thành tròn 18 tuổi nên việc ở với ai do cháu tự quyết định. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao con chung là cháu Trương Tuấn K cho bố trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu đồng) /tháng cho đến khi cháu Kiệt trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2021. Chị H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Tòa không xem xét

- Về nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. nên tòa không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Về nợ chung: Không có. Nên tòa không xem xét.

2- Về lệ phí Tòa án: Anh L tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng lệ phí ly hôn số: AA/2020/0067300 ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ba Đình;
- UBND phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hạnh